

Bản án số: **04/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 07 - 4 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Đông và ông Nhữ Văn Vinh.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn D - Sinh năm 1978 (*Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

HKTT và nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Phạm Thị L - Sinh năm 1987 (*Có mặt*).

ĐKHKT : Thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Ông Phạm Duy G, sinh năm 1965 (*Có mặt*).

Hiện ở: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Văn D trình bày yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau khi người vợ thứ nhất là chị Vũ Thị T chết năm 2013, anh có làm quen và tự do tìm hiểu với chị Phạm Thị L. Sau một thời gian tìm hiểu, hai bên đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 13/11/2015 tại UBND xã G (nay là xã Y), huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết

hôn, anh và chị L về chung sống với nhau tại gia đình anh tại thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, về vấn đề kinh tế và bất đồng giữa các con riêng của anh với chị L (chị Linh có xảy ra cãi nhau và đánh các con riêng của anh) nên đã dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau thậm chí xảy ra đánh nhau. Vợ chồng mâu thuẫn anh có nhờ chính quyền địa phương, hội phụ nữ thôn L và gia đình đứng ra hòa giải cho hai bên nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Trong năm 2018 và 2020, anh đã hai lần làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện G đề nghị giải quyết vợ chồng ly hôn tuy nhiên do Tòa án đứng ra hòa giải nên anh đã rút đơn ly hôn để hai bên có cơ hội để sửa chữa. Tuy nhiên, sau khi anh rút đơn, vợ chồng không những không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ngày 22/10/2022, trong bữa cơm gia đình tổ chức mừng con gái lớn của anh kết thúc đợt kinh doanh hoa ngày 20/10, chị L đến ăn cơm và xảy ra mâu thuẫn với hai người con riêng của anh, khi về đến nhà sẵn có mâu thuẫn từ trước đó nên anh có nói đuổi chị L ra ngoài nên chị Linh đã bỏ về sinh sống tại gia đình nhà đẻ ở thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Sau khi ly thân, vợ chồng không liên lạc và không có bất kỳ biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh tiếp tục làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị L.

+ Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn Đ, sinh ngày 24/11/2016 (hiện đang ở cùng anh D) và Vũ Văn T1, sinh ngày 10/10/2019 (hiện đang ở cùng với chị L). Nguyên vọng của anh khi ly hôn, đề nghị tòa án giải quyết cho anh tiếp tục nuôi con chung Vũ Văn Đ và chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vũ Văn T1 cho đến khi các con chung trưởng thành, tròn 18 tuổi; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về điều kiện nuôi con: Anh xác định có nhà riêng tại thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và có thu nhập từ nghề làm thợ xây và sơn tự do từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng và anh cam đoan mình có đủ khả năng để nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Về con riêng: Anh xác định có 02 người con riêng với vợ đầu là chị Vũ Thị T (đã chết năm 2013) là Vũ Thị H, sinh ngày 07/11/2002 và Vũ Thị Hồng N, sinh ngày 23/12/2006. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và đã có công việc riêng, cháu N đang ở cùng anh. Về con riêng, anh không yêu cầu tòa án giải

quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh D không đề nghị tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị L vắng mặt, tại buổi hòa giải ngày 14/02/2023 và tại phiên tòa, chị L có mặt trình bày quan điểm như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung của vợ chồng chị như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và giữa chị với các con riêng của chồng có nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh D cũng đã hai lần gửi đơn xin ly hôn chị ra TAND huyện G nhưng sau đó đều rút đơn. Khoảng tháng 10/2022, do xảy ra mâu thuẫn trong bữa cơm, anh D đã đuổi chị ra khỏi nhà do đó chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương sinh sống từ thời gian đó cho đến nay. Sau khi vợ chồng ly thân, chị cũng nhận thức được mình cũng có cái sai trong mối quan hệ với anh D và các con riêng của anh D tuy nhiên vì các con chung của anh chị còn nhỏ, cần có cả bố cả mẹ nên chị không đồng ý ly hôn và mong muốn anh D cho chị thêm một cơ hội vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc các con.

+ Về con chung: Chị cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn Đ, sinh ngày 24/11/2016 (hiện đang ở cùng anh D) và Vũ Văn T1, sinh ngày 10/10/2019 (hiện đang ở cùng với chị). Chị không đồng ý ly hôn nên về con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong trường hợp vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị cũng muốn tiếp tục nuôi dưỡng con chung Vũ Văn T1 và anh D tiếp tục nuôi con Vũ Văn Đ cho đến khi các con chung trưởng thành, tròn 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con: Chị xác định hiện nay đang sống cùng gia đình bố mẹ chị tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương và hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH C với mức thu nhập hàng tháng 5.000.000đ/tháng đến 9.000.000đ/tháng, chị cam đoan mình có đủ khả năng để nuôi con cho đến khi con chung đến khi trưởng thành.

+ Về con riêng: Chị có 01 người con riêng là Nguyễn Thị N1, sinh năm 2007 hiện do chồng cũ là anh Nguyễn Văn T2 nuôi dưỡng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L không đề nghị tòa án giải

quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Vũ Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị L và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con chung, anh D giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Bị đơn chị Phạm Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ, trường hợp vợ chồng ly hôn chị L đề nghị giải quyết cho chị được nuôi cả hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn D, xử cho anh Vũ Văn D được ly hôn với chị Phạm Thị L.

+ Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn D nuôi dưỡng con chung Vũ Văn Đ, sinh ngày 24/11/2016 và giao cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng con chung Vũ Văn T1, sinh ngày 10/10/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Văn D không trực tiếp nuôi con Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị L không trực tiếp nuôi con Vũ Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh D, chị L không yêu cầu nên không phải giải quyết.

+ Về án phí: Anh Vũ Văn D là phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn D khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị Phạm Thị L, chị L có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương tuy nhiên hiện nay chị đang cư trú tại gia đình bố mẹ đẻ ở thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương có xác nhận của chính quyền địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.1] Nguyên đơn anh Vũ Văn D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn D và chị Phạm Thị L đều xác định hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2015 tại UBND xã G (nay là xã Y), huyện G, tỉnh Hải Dương, khi đăng ký kết hôn anh D và chị L đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp.

[2.1.1] Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh D và chị L đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, về vấn đề kinh tế và bất đồng giữa các con riêng của anh D với chị L đã dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau thậm chí xảy ra đánh nhau. Năm 2018 và 2020 anh D đã hai lần làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đề nghị giải quyết vợ chồng ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hòa giải tuy nhiên vợ chồng anh D không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Trầm trọng nhất là ngày 22/10/2022, trong bữa cơm gia đình mừng con gái lớn của anh D kết thúc đợt kinh doanh hoa ngày 20/10, chị L có xảy ra mâu thuẫn với các con riêng của anh D, về nhà anh Dương đuổi L ra ngoài nên chị Linh đã trở về sinh sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Sau khi vợ chồng ly thân, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, anh D quyết định tiếp tục làm đơn xin ly hôn chị L. Đến nay, anh D xác định tình tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị L còn quan điểm của chị Linh không đồng ý ly hôn và mong muốn anh D cho chị thêm một cơ hội vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc các con.

[2.1.2] Để làm rõ mâu thuẫn của vợ chồng, tòa án tiến hành làm việc với bố đẻ của chị L và được cung cấp: Chị L và anh D có một số mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, ngoài ra chị L còn không hợp nhau với 02 con riêng của anh D nên dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 10/2022, anh D đã đuổi và vứt quần áo của chị L ra khỏi nhà nên chị Linh phải trở về nhà gia đình nhà đẻ ở thôn C, xã C sinh sống cho đến nay. Anh D có sang nhà đẻ thăm con nhưng cũng không đề cập đến việc hàn gắn tình cảm với chị L. Gia đình cũng đã đứng ra hòa giải cho vợ chồng chị L, anh D nhưng không được. Theo trưởng thôn C cung cấp:

Qua theo dõi của thôn, chị L đã chuyển về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương từ khoảng năm 2022, nguyên nhân chị L về nhà bố mẹ đẻ ở là do vợ chồng chị và anh D có mâu thuẫn và có thông tin anh D nhiều lần đánh chị L. Anh Dương có 01 lần đến xin xác nhận của thôn về nơi cư trú của chị Linh để làm thủ tục ly hôn và ông cũng đứng ra nói chuyện hòa giải cho vợ chồng nhưng anh D vẫn cương quyết xin ly hôn.

[2.1.3] Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị L đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D ly hôn chị L là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn T1, sinh ngày 10/10/2019 (đang ở cùng chị L) và Vũ Văn Đ, sinh ngày 24/11/2016 (đang ở cùng anh D). Quá trình giải quyết vụ án, anh D đề nghị tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con Vũ Văn Đ và chị L tiếp tục nuôi con Vũ Văn T1 cho đến khi các con tròn 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị L không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu tòa án giải quyết tuy nhiên trong trường hợp vợ chồng ly hôn chị cũng đồng ý với ý kiến của anh D như trên về quyền nuôi con và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị L thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp chị được nuôi cả hai con.

[2.2.1] Xem xét đối với ý kiến của anh D, chị L thì thấy, anh D và chị L đều có nơi cư trú ổn định và đều có thu nhập từ công việc, cụ thể anh D đi làm thợ xây và sơn tự do, thu nhập hàng tháng từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng và chị L hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH C với mức thu nhập hàng tháng 5.000.000đ/tháng đến 9.000.000đ/tháng nên đều có khả năng nuôi con. Bản thân chị L tại phiên tòa cũng thừa nhận nếu chị nuôi cả hai con thì sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh D, khi ly hôn giao cho anh D và chị L mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp. Do con lớn Vũ Văn Đ đang ở cùng với anh D và con nhỏ Vũ Văn T1 đang ở cùng chị L nên giao cho anh D tiếp tục nuôi con chung Vũ Văn Đ và giao cho chị L tiếp tục nuôi con chung Vũ Văn T1 cho đến khi các con trưởng thành tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh D và chị L mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung và đều không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng trong trường hợp này nên anh D và chị L không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con

chung cho nhau.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh D và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Vũ Văn D là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn D được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Văn Đ, sinh ngày 24/11/2016 (hiện đang ở cùng anh D) và giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Văn T1, sinh ngày 10/10/2019 (hiện đang ở cùng với chị L), thời gian kể từ tháng 04/2023 đến khi các con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Vũ Văn D và chị Phạm Thị L, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Vũ Văn D và chị Phạm Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh D, chị L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002235 ngày 06/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải D. Anh Dương đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải